BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT 2026

Bảng thông số — A, C, S và ColdOFF® Cao cấp

Giá trị điển hình cho bọt thành phẩm mỗi loại. Không phải báo giá.

Hangzhou DPTU Technology Co., Ltd.
Hangzhou, Zhejiang, China
Info@dptpu.com
+86 571-86613118

THÔNG SỐ	THÀNH PHẦN A	THÀNH PHẦN C	THÀNH PHẦN S	COLDOFF® CAO CẤP
Tỷ lệ isocyanate trên khối lượng tịnh (α)	**≥ 40%**	24–27%	18–21%	≥ 40%, tightened
Tỷ lệ isocyanate : polyol (β)	**0.9–1.3 : 1**	0.38–0.45 : 1	0.25–0.30 : 1	0.95–1.3 : 1
Hàm lượng nguyên liệu chính (cách gọi xuất khẩu)	**82–86%**	62–66%	40–45%	84–88%
Khối lượng riêng biểu kiến (kg/m³)	**24–32**	18–22	13–17	26–34
Cường độ nén ở 10% (kPa)	**35–60**	22–35	12–20	40–65
Độ bám dính kéo trên nhôm (kPa)	**85–120 · class I**	60–80 · class II	40–55 · borderline III	90–125 · class I
Ổn định kích thước 48 giờ (%)	**≤ 1.5**	2.0–3.5	4–8	≤ 1.2
Tỷ lệ lỗ kín (%)	**85–92**	75–85	60–75	88–93
Hệ số nở (lần)	**30–40**	40–50	55–65	28–38
Số mét mỗi lon 750 ml, khe 20 × 20 mm	**18–22 m**	24–28 m	30–35 m	17–21 m
Khô bề mặt / cắt được	**6–10 / 35–50 min**	6–9 / 40–60 min	5–8 / 50–70 min	6–9 / 35–45 min
Màu bọt	**trắng ngà**	trắng hơi vàng	vàng đến vàng đậm	trắng ngà
Cảm giác mặt cắt	**chắc, đàn hồi**	trung bình, ấn nhẹ để lại vết	mềm, ấn lõm	chắc, đàn hồi
Thấm dầu	**không thấm dầu**	thường không	thường gặp	không thấm dầu
Hạn sử dụng (lon chưa mở)	**12–18 months**	9–12 months	6–9 months	12–18 months
Dùng cho	**khung cửa, vách kính, nhà tiêu chuẩn cao, đơn xuất khẩu**	khe công trình, cửa dân dụng, xuyên ống	bịt tạm, lỗ điều hòa, đóng gói, khe không chịu lực	kho lạnh, vách kính, chỉ tiêu VOC thấp, đơn xuất khẩu

Giá trị điển hình chỉ để tham khảo. Thông số cuối cùng được xác nhận theo loại đã chọn và điều kiện chiết rót của Anh/Chị.

Trong phuy

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ ĐIỂN HÌNH
Ngoại quan	**vàng nhạt đến nâu, sánh**

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ ĐIỂN HÌNH
Tỷ trọng ở 25 °C (g/cm³)	1.02–1.10
Độ nhớt ở 25 °C (mPa·s)	250–600
Điểm chớp cháy (°C)	> 100
Độ ẩm (%)	≤ 0.15
Bảo quản	5–30 °C, khô, phuy kín
Hạn sử dụng trong phuy	6 tháng, chưa mở
Đóng gói	phuy thép 200 L × 5 = 1 tấn

Giá trị điển hình chỉ để tham khảo. Thông số cuối cùng được xác nhận theo loại đã chọn và điều kiện chiết rót của Anh/Chị.

Chứng từ và đóng gói

- SDS mỗi loại; COA mỗi lô với số lô in trên phuy.
- Form E cho xuất xứ ASEAN; danh sách đóng gói; giấy đánh giá vận chuyển theo yêu cầu.
- Phuy thép 200 L × 5 = 1 tấn. Nhãn pallet theo định dạng của Anh/Chị.
- Hạn trong phuy: 6 tháng, chưa mở, 5–30 °C, khô.